

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC THANH HÓA

Số: 16 /TTr-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 06 tháng 5 năm 2024.

## TỜ TRÌNH

Vv: Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

- Căn cứ Điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hoá ban hành kèm theo Quyết định số 33/QĐ-HĐQT ngày 21/7/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;

- Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 24/4/2024 của HĐQT về việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa đã được “Công ty TNHH kiểm toán Quốc tế (iCPA)” kiểm toán năm 2023, bao gồm:

1. Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023 (Mẫu số B01-DN);
2. Báo cáo kết quả HĐKD năm 2023 (Mẫu số B02-DN);
3. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2023 (Mẫu số B03-DN).

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Báo cáo tài chính./.

(Có các mẫu số B01-DN; B02-DN; B03-DN kèm theo)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
PHỤ TRÁCH HĐQT



Lê Sỹ Len

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>117,637,048,882</b>	<b>110,114,752,430</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>67,904,368,603</b>	<b>34,749,550,189</b>
1. Tiền	111		3,022,841,873	2,096,914,350
2. Các khoản tương đương tiền	112		64,881,526,730	32,652,635,839
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>1,772,344,587</b>	<b>20,479,467,468</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1,772,344,587	20,479,467,468
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>24,804,277,946</b>	<b>31,880,883,291</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	29,016,514,459	31,424,260,335
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		795,368,690	941,142,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	22,184,141,271	25,123,775,547
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(27,191,746,474)	(25,608,294,591)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>22,600,339,324</b>	<b>22,154,135,496</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	22,600,339,324	22,154,135,496
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>555,718,422</b>	<b>850,715,986</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		464,905,715	825,576,508
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12a	90,812,707	25,139,478
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>574,646,360,522</b>	<b>591,083,357,135</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>554,738,661,943</b>	<b>563,347,149,283</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	554,701,795,261	563,278,682,605
- Nguyên giá	222		1,435,053,586,925	1,388,995,170,418
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(880,351,791,664)	(825,716,487,813)

2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	36,866,682	68,466,678
- Nguyên giá	228		572,621,550	572,621,550
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(535,754,868)	(504,154,872)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6,967,476,024</b>	<b>15,909,575,991</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	6,967,476,024	15,909,575,991
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12,940,222,555</b>	<b>11,826,631,861</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	12,940,222,555	11,826,631,861
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>692,283,409,404</b>	<b>701,198,109,565</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>286,778,498,314</b>	<b>306,946,936,517</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>139,641,939,792</b>	<b>135,579,674,043</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	28,940,547,470	37,766,072,944
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8,040,677,766	3,793,875,927
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12b	5,112,143,854	4,382,586,418
4. Phải trả người lao động	314		19,146,567,657	14,462,733,389
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13a	6,025,096,751	5,814,521,502
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	39,686,406,137	36,249,192,000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	23,974,703,952	26,112,749,896
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8,715,796,205	6,997,941,967
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>147,136,558,522</b>	<b>171,367,262,474</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.13b	2,418,000,000	2,674,000,000
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-	-
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	-

2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	144,718,558,522	168,693,262,474
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>405,504,911,090</b>	<b>394,251,173,048</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>405,504,911,090</b>	<b>394,251,173,048</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		329,954,110,000	329,954,110,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		329,954,110,000	329,954,110,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		27,981,894,030	21,573,334,792
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		47,568,907,060	42,723,728,256
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		47,568,907,060	42,723,728,256
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>692,283,409,404</b>	<b>701,198,109,565</b>

Thanh Hóa, ngày ..... tháng ..... năm 2024

Người lập biểu



Đặng Thị Tiệp

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nga

Tổng giám đốc



Nguyễn Ngọc Càn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	428,501,285,107	410,254,794,235
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		428,501,285,107	410,254,794,235
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	285,851,980,573	274,884,733,135
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		142,649,304,534	135,370,061,100
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,976,678,926	2,120,074,380
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13,456,984,200	16,492,467,268
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13,456,984,200	16,492,467,268
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	40,669,417,978	36,157,686,087
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	31,098,550,698	38,744,310,123
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60,401,030,584	46,095,672,002
11. Thu nhập khác	31	VI.6	330,640,000	7,434,667,873
12. Chi phí khác	32		122,303,113	30,569,055
13. Lợi nhuận khác	40		208,336,887	7,404,098,818
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		60,609,367,471	53,499,770,820
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	13,040,460,411	10,776,042,564
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		47,568,907,060	42,723,728,256
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1,225	1,101
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1,225	1,101

Thanh Hóa, ngày ..... tháng ..... năm 2024

Người lập biểu



Đặng Thị Tien

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nga

Tổng giám đốc




Nguyễn Ngọc Cần

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	485,746,894,277	466,175,132,781
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	-194,452,206,050	-202,638,579,442
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	-102,922,969,200	-90,905,173,500
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-13,502,408,951	-13,825,972,099
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-12,114,742,889	-10,652,333,740
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	11,366,729,934	15,263,261,676
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	-69,659,484,630	-59,923,739,664
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>104,461,812,491</b>	<b>103,492,596,012</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-37,116,316,540	-43,579,914,005
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-1,101,274,771	(903,743,245)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	19,808,397,652	5,705,341,754
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3,128,896,071	2,077,282,283
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(15,280,297,588)</b>	<b>(36,701,033,213)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
1. Tiền thu từ đi vay	33		12,500,000,000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(26,112,749,896)	(38,612,749,896)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(29,913,946,593)	(28,594,603,638)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(56,026,696,489)</b>	<b>(54,707,353,534)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>33,154,818,414</b>	<b>12,084,209,265</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>34,749,550,189</b>	<b>22,665,340,924</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>67,904,368,603</b>	<b>34,749,550,189</b>

Thanh Hóa, ngày... tháng..... năm 2024

Người lập biểu



Đặng Thị Tien

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nga

Tổng giám đốc




Nguyễn Ngọc Càn

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC THANH HÓA

Số: 17/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 5 năm 2024

## TỜ TRÌNH

### Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2023; Dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 33/QĐ-HĐQT ngày 21/7/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 - Đã được kiểm toán;
- Căn cứ Kế hoạch SXKD của công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa năm 2024.

Hội đồng quản trị công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa trình Đại hội đồng cổ đông Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2023 và dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2024, bao gồm các nội dung khái quát như sau:

#### 1. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa:

Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2023: 329.954.110.000 đồng

- Vốn cổ đông khác 120.030.400.000 đồng bằng 36,38% vốn điều lệ.
- Vốn Nhà nước 209.923.710.000 đồng bằng 63,62% vốn điều lệ.

#### 2. Về phân phối lợi nhuận và phân chia cổ tức năm 2023

##### 2.1. Phân phối lợi nhuận năm 2023:

a) Lợi nhuận và lợi nhuận sau thuế thu nhập:

- Lợi nhuận trước thuế: 60.609.367.471 đồng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: 13.040.460.411 đồng
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập: 47.568.907.060 đồng

b) Trích các quỹ theo quy định của điều lệ:



Trích quỹ đầu tư phát triển và khen thưởng phúc lợi = 14.270.672.118 đồng:

- Quỹ đầu tư phát triển:  $47.568.907.060 \text{ đồng} \times 15\% = 7.135.336.059 \text{ đồng}$ ;
- Quỹ k/thưởng phúc lợi:  $47.568.907.060 \text{ đồng} \times 15\% = 7.135.336.059 \text{ đồng}$ ;

### **2.2. Phân chia cổ tức cho các cổ đông (lợi nhuận còn lại):**

(Lợi nhuận còn lại:  $47.568.907.060 - 14.270.672.118 \text{ đ} = 33.298.234.942 \text{ đồng}$ )

- Cổ đông Nhà nước được hưởng lợi tức (63,62%): 21.184.337.070 đồng;
- Cổ đông khác được hưởng lợi tức (36,38%): 12.113.897.872 đồng;

(Tỷ lệ cổ tức năm 2023: 10,09 %).

### **3. Dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2024:**

Vốn điều lệ : **329.954.110.000** đồng

- Vốn cổ đông khác **120.030.400.000** đồng bằng **36,38%** vốn điều lệ.
- Vốn Nhà nước **209.923.710.000** đồng bằng **63,62%** vốn điều lệ.

#### **3.1. Dự kiến Kết quả hoạt động SXKD năm 2024**

- a) Doanh thu và thu nhập (Kế hoạch SXKD): 441.969.863.000 đồng
- b) Kết quả hoạt động (Kế hoạch SXKD): Lãi 42.500.000.000 đồng

#### **3.2. Dự kiến Phân phối lợi nhuận năm 2024**

a) Lợi nhuận và lợi nhuận sau thuế thu nhập:

- Lợi nhuận trước thuế: 42.500.000.000 đồng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (20%): 8.500.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: 34.000.000.000 đồng

b) Trích các quỹ theo quy định của điều lệ công ty:

Trích quỹ đầu tư phát triển và khen thưởng phúc lợi: 10.200.000.000 đồng

**Trong đó:**

- Quỹ đầu tư phát triển:  $34.000.000.000 \text{ đ} \times 15\% = 5.100.000.000 \text{ đồng}$
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi:  $34.000.000.000 \text{ đ} \times 15\% = 5.100.000.000 \text{ đồng}$

Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức:

Lợi nhuận còn lại:  $34.000.000.000 \text{ đ} - 10.200.000.0 \text{ đ} = 23.800.000.000 \text{ đồng}$

#### **3.3. Dự kiến Phân chia cổ tức cho các cổ đông (23.800.000.000 đồng)**

198  
G  
PH  
NU  
JH  
A T



Tỷ lệ cổ tức năm 2024: 23.800.000.000 đ : 329.954.110.000 đ = 7,21 %.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
PHỤ TRÁCH HĐQT**



**Lê Sỹ Len**



Số: 15/TT- HĐQT

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 5 năm 2024

## TỜ TRÌNH

Về việc thông qua tiền lương, tiền thưởng, thù lao  
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa được ban hành kèm theo Quyết định số 33/QĐ-HĐQT ngày 21/07/2021 của Hội đồng quản trị công ty;

Để đảm bảo gắn trách nhiệm với quyền lợi của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trong công tác điều hành, giám sát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thảo luận về mức tiền lương và thù lao năm 2024 đối với Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) và thư ký công ty, cụ thể như sau:

### 1. Về tiền lương

a) Tiền lương của người Quản lý chuyên trách Công ty, bao gồm: (Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT chuyên trách, Tổng Giám đốc, các Phó tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên chuyên trách và Kế toán trưởng công ty). Thực hiện theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016, Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty.

b) Các thành viên Ban kiểm soát (kiêm nhiệm); Thư ký công ty hưởng lương theo phương án phân phối tiền lương của người lao động năm 2024 do công ty quy định.



## 2. Mức thù lao:

### a) Thành viên Hội đồng quản trị:

- Thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách: 3.000.000 đ/người/tháng

- Tiền Thù lao một năm của thành viên HĐQT không chuyên trách là:

$$4 \text{ người} \times 3.000.000 \text{ đ/người/tháng} \times 12 \text{ tháng} = 144.000.000 \text{ đ}$$

(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng chẵn)

### b) Thành viên Ban kiểm soát

- Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 2.000.000đ/người/tháng

- Tiền thù lao 1 năm của thành viên BKS không chuyên trách là:

$$2 \text{ người} \times 2.000.000 \text{ đ/người/tháng} \times 12 \text{ tháng} = 48.000.000 \text{ đ}$$

(Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu đồng chẵn)

### c) Tổng mức thù lao của thành viên HĐQT, BKS công ty năm 2024 là:

$$144.000.000 \text{ đ} + 48.000.000 \text{ đ} = 192.000.000 \text{ đ}$$

(Bằng chữ: Một trăm chín mươi hai triệu đồng chẵn)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
PHỤ TRÁCH HĐQT**



*Lê Sỹ Len*



Thanh Hoá, ngày 06 tháng 5 năm 2024

## TỜ TRÌNH

### Về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;
- Căn cứ Nghị định số 134/2020/NĐ-CP ngày 15/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;
- Căn cứ Quyết định số 1106/QĐ-UBCK ngày 24/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận Tổ chức kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2024;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 33/QĐ-HĐQT ngày 21/7/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty như sau:

#### 1. Các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

Hội đồng quản trị đề xuất với Đại hội đồng cổ đông tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, thương hiệu, được nhiều công ty đại chúng tin cậy, có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao và nhiều kinh nghiệm.
- Là đơn vị hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024;
- Việc kiểm toán phải tuân thủ các quy định của Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) và Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IFRS);



- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán của Công ty.

## 2. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán

Trên cơ sở các tiêu chí nêu trên, Hội đồng quản trị đã kiểm tra, đánh giá năng lực 03 đơn vị kiểm toán sau đây:

- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO;
- Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế.

Sau khi đánh giá các đơn vị kiểm toán này, Hội đồng quản trị thống nhất đề xuất đơn vị kiểm toán sau đây là đơn vị thực hiện kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính Công ty năm 2024:

### Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế

*Địa chỉ trụ sở chính:* Tầng 15, tòa nhà Center Building, Hapulico Complex, số 01 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

*Địa chỉ Chi nhánh Miền Trung:* Tầng 9, tòa nhà Viettel, Đại lộ Lê Lợi, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa.

*Địa chỉ Chi nhánh Sài Gòn:* Lầu 5, tòa nhà Hải Âu TIC, 39B Trường Sơn, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế đã được Bộ tài chính và ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận Tổ chức kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2024 theo Quyết định số 1106/QĐ-UBCK ngày 24/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

*(Kèm theo Danh sách 28 Công ty kiểm toán và kiểm toán viên được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2024).*

Kính đề nghị Đại Hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
PHỤ TRÁCH HĐQT



Lê Sỹ Len





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN**  
**KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Hôm nay, ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa, ban kiểm phiếu chúng tôi gồm có:

- 1. Ông: Nguyễn Huy Trường - Trưởng ban.
- 2. Ông: Nguyễn Văn Tân - Ban viên
- 3. Ông : Lê Hoàng - Ban viên

Đã tiến hành kiểm phiếu biểu quyết các nội dung của đại hội như sau:

**I. Các nội dung được thông qua tại Đại hội:**

- 1. Thông qua Bầu đoàn thủ tịch, Thư ký, Ban kiểm phiếu, Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội
- 2. Thông qua báo cáo kết quả SXKD năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2024 của Ban Tổng Giám đốc
- 3. Thông qua báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2023 và chương trình công tác năm 2024
- 4. Thông qua báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch công tác năm 2024 của Ban kiểm soát
- 5. Thông qua tờ trình báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023
- 6. Thông qua tờ trình phương án, phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2023, tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2024;
- 7. Thông qua tờ trình, Mức chi trả thù lao của HĐQT và BKS năm 2024;
- 8. Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024;
- 9. Thông qua Nghị quyết Đại hội

**II. Nội dung Kiểm phiếu biểu quyết:**

Tại thời điểm tiến hành biểu quyết, số lượng cổ đông tham dự là: 56 người. Tương ứng với số cổ phần biểu quyết là: 32.610.410 cổ phần, chiếm 99,0% tổng số cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết của Công ty.

*Trong đó:*

**1.1. Tổng số cổ đông trực tiếp tham dự:**

- + Số lượng: 56 Người.
- + Tương ứng: 9.867.899 Cổ phần có quyền biểu quyết.

**1.2. Tổng số cổ đông uỷ quyền:**

- + Số lượng: 567 Người.
- + Tương ứng: 22.742.511 Cổ phần có quyền biểu quyết.

**Kết quả biểu quyết:**

STT	VẤN ĐỀ BIỂU QUYẾT	SỐ PHIẾU TÁN THÀNH	KHÔNG TÁN THÀNH	Ý KIẾN KHÁC
1	Thông qua Bầu đoàn thủ tịch, đoàn thư ký, Ban kiểm phiếu, Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội	56 phiếu, tương ứng 32.610.410 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)

2	Thông qua báo cáo kết quả SXKD năm 2023 và phương hướng SXKD năm 2024 của Ban Tổng Giám đốc	56 phiếu, tương ứng 32.610.410 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)
3	Thông qua báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2023 và chương trình công tác năm 2024	56 phiếu, tương ứng 32.610.410 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)
4	Thông qua báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch công tác năm 2024 của Ban kiểm soát	56 phiếu, tương ứng 32.610.410 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)
5	Thông qua tờ trình báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023	56 phiếu, tương ứng 32.610.410 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)
6	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2023, tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2024;	56 phiếu, tương ứng 32.610.410 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)
7	Thông qua Mức chi trả thù lao của HĐQT và BKS năm 2024	56 phiếu, tương ứng 32.610.410 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)
8	Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024	56 phiếu, tương ứng 32.610.410 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)
9	Thông qua Nghị quyết Đại hội	56 phiếu, tương ứng 32.610.410 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100%.	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)	0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 0(%)

2195  
 NG T  
 PH  
 NU  
 NH H  
 Đ A T

Các nội dung khác trong chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, đã được thông qua trực tiếp tại Đại hội với 100% số cổ phần có quyền biểu quyết, có mặt tại Đại hội.

Việc kiểm phiếu được hoàn tất vào hồi 11h30 phút cùng ngày. Biên bản được lập tại chỗ và được mọi thành viên Ban kiểm phiếu thông qua và ký tên xác nhận.

Sau khi biên bản được thông qua; Ban kiểm phiếu bàn giao Biên bản và toàn bộ Phiếu biểu quyết cho Chủ tọa đại hội./.

**TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Huy Trường**

**BAN VIÊN**

Nguyễn Văn Tân.....

Lê Hoàng.....







CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN**  
**KIỂM PHIẾU BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

Căn cứ luật doanh nghiệp ngày 17/6/2020.

Căn cứ điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa.

Hôm nay, ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở chính công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa. Ban kiểm phiếu được Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 bầu gồm:

- Ông: Nguyễn Huy Trường – Trưởng phòng KHVT - Trưởng ban.
- Ông: Nguyễn Văn Tân - TP Kỹ thuật - Ban viên
- Ông Lê Hoàng – TP tin học - Ban viên

Đã tiến hành kiểm phiếu bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa nhiệm kỳ 2020 - 2025 với kết quả như sau:

1. Tại thời điểm tiến hành Bầu cử, số lượng cổ đông tham dự là: 56 người, chiếm 99,0% tổng số cổ phần hiện hữu có quyền biểu quyết của Công ty.

Trong đó:

1.1. Tổng số cổ đông trực tiếp tham dự:

+ Số lượng: 56 người.

+ Tương ứng: 9.867.899 Cổ phần có quyền biểu quyết.

1.2. Tổng số cổ đông uỷ quyền:

+ Số lượng: 567 Người.

+ Tương ứng: 22.742.511 Cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Tổng số phiếu phát ra: 56 phiếu, tương ứng 32.610.410 Cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Tổng số phiếu thu về: 56 phiếu, tương ứng 32.610.410 Cổ phần có quyền biểu quyết.

Trong đó:

+ Số phiếu hợp lệ: 56 phiếu, tương ứng 32.610.410 Cổ phần có quyền biểu quyết.

+ Số phiếu không hợp lệ: 0 (không) phiếu, tương ứng 0 (không) cổ phần có quyền biểu quyết

4. Số thành viên Hội đồng quản trị được bầu: 02 người

5. Kết quả số phiếu bầu cụ thể như sau:



+ Ông: Lê Thế Sơn: Số phiếu bầu 45.996.941 Phiếu = 70,52%

+ Ông: Phạm Văn Tú: Số phiếu bầu 19.223.879 Phiếu = 29,48%

Căn cứ kết quả bầu cử tại Đại hội. Những ông (bà) có tên sau trúng cử vào Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa nhiệm kỳ 2020 - 2025:

1) Ông: Lê Thế Sơn

2) Ông: Phạm Văn Tú

Biên bản kiểm phiếu hoàn tất vào hồi 10 giờ 10 phút cùng ngày. Biên bản lập tại chỗ, được các thành viên Ban kiểm phiếu thông qua và thống nhất ký tên.

Ban Bầu cử giao lại Biên bản Kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa Đại hội./.

**TRƯỞNG BAN**

  
Nguyễn Huy Trường

**BAN VIÊN**

Nguyễn Văn Tân.....  
Lê Hoàng.....

